TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HS- ST
Ngày 14-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Khiếu;

2. Bà Vũ Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên- tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Thu Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2022/TLST-HS ngày 04-11-2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HS ngày 30-11-2022, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thế G, sinh ngày 21-02-1990 tại huyện L, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Y, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Huy S và bà Hoàng Thị Q; có vợ là Lê Thị B và có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Hoàng Văn C1, sinh ngày 01-6-1975 tại huyện L, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Y, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văm K và bà Lý Thị N; có vợ là Chương Thị X và có 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29-12-2008 bị Công an huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09 ngày 29-12-2008 của Công an huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; ngày 21-9-2009 bị Công an huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ-XPHC ngày 21-9-2009 của Công an huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi

khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Mã Đình V, sinh ngày 27-01-1992 tại huyện L, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao đông tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mã Đình B và bà Hoàng Thị D; có vợ là Hoàng Thị Đ và có 02 con (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020); tiền án: 01 tiền án, bị Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ theo Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 05-5-2022 của Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Lường Văn P, sinh ngày 16-4-1983 tại huyện Lục Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Đồng T, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn C và bà Hoàng Thị L; có vợ là Triệu Thị T và có 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", theo Bản án số 08/2020/HS-ST ngày 12-6-2020 của Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; đến ngày 27-4-2021 chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Triệu Văn Đ, sinh ngày 28-8-1988 tại huyện Lục Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; Dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt; con ông Triệu Văn C và bà Bàn Thị Đ; có vợ là Hoàng Thị T và có 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Công an huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khoẻ người khác theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32/QĐ-XPVPHC ngày 22-01-2014 của Công an huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; bị Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", theo Bản án số 11/2017/HS-ST ngày 16-5-2017 của Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; đến ngày 26-6-2018 chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Chương Thị X, sinh ngày 10-01-1976 tại huyện L, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Yên T, xã Vĩnh L, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 8/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chương Công X và bà Nông Thị V; có chồng là Hoàng Văn C1 và có 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Phạm Văn C2, sinh ngày 07- 02-1976 tại huyện L, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn Y, huyện L tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 2/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị T; có vợ là Bùi Thị H và có 02 con

(lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Công an huyện Lục Yên xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 27/QĐ-XPVPHC ngày 13-3-2017 của Công an huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Ma Thị Đ, sinh ngày 25-11-1963 tại huyện L, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn 5, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 6/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Quốc S và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Hoàng Văn T và có 04 con (lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Cao Thị H (tên gọi khác Cao Thị Đ), sinh ngày 26-9-1969 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Tổ 10, thị trấn Y, huyện Lục Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn H và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Nguyễn Văn D và có 02 con (lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", theo Bản án số 17/2006/HS-ST ngày 24-10-2006 của Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; đến ngày 24 tháng 10 năm 2007 chấp hành xong án hình phạt tù. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

10. Nguyễn Thị M, sinh ngày 28-12-1982 tại huyện T, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Dương Thị Đ; có chồng là Phạm Huy P (đã ly hôn năm 2020) và có 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

11. Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 05-6-1978 tại thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị D; có chồng là Lại Quốc T và có 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Nông Văn H, Tạ Xuân K, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13-5-2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái nhận được đơn trình báo phản ánh về việc các đối tượng tổ chức đánh bạc và đánh bạc từ 14

giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút, ngày 11-5-2022 tại nhà Xuân Luật gần nhà bố mẹ đẻ Hoàng Văn C1, địa chỉ thôn Đồng Thành, xã Vĩnh Lạc, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định:

Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 11-5-2022 bị cáo Hoàng Thế G nảy sinh ý định tổ chức cho người khác đánh bạc tại nhà của Hoàng Thị T, (đây là ngôi nhà không có người trông coi do chị T bỏ đi khỏi địa phương) để thu tiền của người chơi (thường gọi là tiền phế). Thực hiện ý định trên G gọi điện thoại cho Hoàng Văn C1 và Triệu Văn Đ rủ C1 và Đ đánh bạc, được C1 và Đ đồng ý. Sau đó G đến nhà Lường Văn P lấy 01 chiếu nhựa màu xanh cũ qua sử dụng mang đến ngôi nhà của chị T mục đích để trải chiếu cho mọi người đánh bạc. Hoàng Văn C1 gọi điện thoại cho Phạm Văn C2, rủ C2 đánh bạc, C2 đồng ý. Sau khi gọi điện cho C2, C1 đến nhà bố đẻ là ông Hoàng Văn K lấy 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa màu trắng và 01 con dao để phục phục vụ cho việc đánh bạc. Khi đến nhà của chị T, C1 lấy 01 thanh tre ở tường nhà rồi dùng bật lửa hơ một mặt thanh tre làm thành màu đen, sau đó dùng dao cắt thanh tre thành 04 quân vị hình vuông, một mặt màu đen, một mặt màu trắng. G trải chiếu ra giữa nhà để cho mọi người đánh bạc.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày Hoàng Thế G, Hoàng Văn C1, Triệu Văn Đ, Lường Văn P, Chương Thị X, Mã Đình V, Phạm Văn C2, Cao Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thu H, Ma Thị Đ cùng có mặt tại ngôi nhà của chị T để đánh bạc. Trước khi đánh bạc Hoàng Thế G thu tiền phế của Hoàng Văn C1, Mã Đình V, Lường Văn P tổng số tiền 1.000.000 đồng, Phạm Văn C2 100.000 đồng, Ma Thị Đ 100.000 đồng, Triệu Văn Đ 100.000 đồng, Cao Thị H 50.000 đồng, Nguyễn Thị Thu H 50.000 đồng, tổng số tiền thu được là 1.400.000 đồng. Sau đó các bị cáo bắt đầu đánh bạc. Khi đánh bạc thì Hoàng Văn C1 là người xóc cái, không có ai canh gác, cảnh giới.

Các bị cáo đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Người cầm cái cho 04 quân tre (được gọi là quân vị) vào một chiếc đĩa rồi dùng 01 chiếc bát úp lên chiếc đĩa rồi xóc, nếu kết quả mở bát có hai hoặc bốn quân vị lật mặt cùng màu thì người đặt cửa chẵn thắng, ngược lại nếu khi mở bát có một hoặc ba quân lật màu đen hoặc trắng thì người đặt cửa lẻ thắng. Nếu đặt cửa thắng thì được gấp đôi số tiền cược, thua thì mất luôn số tiền đã cược. Các bị cáo tham gia đánh bạc quy định số tiền đặt cược thấp nhất là 20.000 đồng, cao nhất không giới hạn. Các bị cáo Hoàng Văn C1, Lường Văn P và Mã Đình V tự thỏa thuận góp tiền nhau để "Ăn đuôi cá cược với người đánh bạc khác" hay còn gọi là "Làm mặt" (ví dụ người chơi đặt cược của chẵn nhiều tiền hơn cửa lẻ thì C1, P, V cân cửa để cửa lẻ bằng tiền cửa chẵn và ngược lại).

Quá trình điều tra các bị cáo khai mang tiền đi theo và sử dụng vào mục đích đánh bạc nhưng có người được, có người thua, số tiền luân chuyển từ đối tượng này sang đối tượng khác, cụ thể:

Bị cáo Hoàng Thế G sử dụng số tiền 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm nghìn đồng) để đánh bạc gồm 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) mang đi từ nhà và 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) thu được từ tiền phế của các con bạc. Sau khi đánh bạc Hoàng Thế G thua 3.000.000 đồng (ba

triệu đồng) còn lại 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng). G đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.100.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Bị cáo Hoàng Văn C1 sử dụng số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) vào đánh bạc. C góp số tiền này với P, V để "Làm mặt" tức là cân tiền giữa hai bên cửa chẵn, lẻ. Sau khi đánh bạc, trừ đi số tiền gốc, C1 thắng được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Toàn bộ số tiền gốc và tiền thắng bạc là 15.000.000 đồng, C1 đã tự nguyện giao cho Cơ quan điều tra.

Bị cáo Mã Đình V sử dụng số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) vào đánh bạc. V góp số tiền này với P, C để "Làm mặt" tức là cân tiền giữa hai bên cửa chẵn, lẻ. Sau khi đánh bạc, trừ đi số tiền gốc, V thắng được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Toàn bộ số tiền gốc và tiền thắng bạc là 15.000.000 đồng, V đã tự nguyện giao cho Cơ quan điều tra.

Bị cáo Lường Văn P sử dụng số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) vào đánh bạc. P góp số tiền này với V, C1 để "Làm mặt" tức là cân tiền giữa hai bên cửa chẵn, lẻ. Sau khi đánh bạc, trừ đi số tiền gốc, P thắng được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Toàn bộ số tiền gốc và tiền thắng bạc là 10.000.000 đồng, P đã tự nguyện giao cho Cơ quan điều tra.

Bị cáo Triệu Văn Đ sử dụng số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) dùng vào đánh bạc và thắng bạc số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Đ đã tự nguyện giao nộp số tiền gốc và tiền thắng bạc là 3.300.000 đồng cho cơ quan điều tra.

Bị cáo Chương Thị X sử dụng số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) dùng đánh bạc và thắng bạc số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng). X đã tự nguyện giao nộp số tiền gốc và số tiền thắng bạc là 350.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Các bị cáo: Ma Thị Đ sử dụng số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) vào đánh bạc và thua hết; Phạm Văn C2 sử dụng số tiền 2.000.000 (hai triệu đồng) vào đánh bạc và thua hết; Cao Thị H sử dụng số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) vào đánh bạc và thua hết; Nguyễn Thị M sử dụng số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) vào đánh bạc và thua hết; Nguyễn Thị Thu H sử dụng số tiền 320.000 đồng (ba trăm hai mươi nghìn đồng) vào đánh bạc và thua hết.

Tổng số tiền bị cáo khai mang đi sử dụng để đánh bạc là 33.870.000 đồng; số tiền các bị cáo Hoàng Thế G, Hoàng Văn C1, Lường Văn P, Mã Đình V, Triệu Văn Đ, Chương Thị X khai đã sử vào việc đánh bạc và thắng bạc đã giao nộp cho cơ quan điều tra 44.750.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ, tạm giữ các đồ vật, tài liệu: 01 (một) bát con cũ đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa sứ trắng cũ đã qua sử dụng; 01 (một) con dao cũ chuôi gỗ dài khoảng 10 cm, lưỡi dao dài khoảng 25cm, bản rộng lưỡi dao khoảng 5cm; 01 (một) chiếu nhựa cũ hình chữ nhật kích thước khoảng 150cm x 200cm màu xanh có họa tiết màu da cam; 44.750.000 đồng do các bị Hoàng Văn C1, Mã Đình V, Lường Văn P, Hoàng Thế G, Triệu Văn Đ và Chương Thị X giao nộp.

Tại Kết luận giám định số 397/KL-KTHS ngày 20-7-2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận: Toàn bộ số tiền 44.750.000 đồng các bị cáo giao nộp gửi giám định đều là tiền thật.

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKS-LY ngày 03-11-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Hoàng Thế G về tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo Hoàng Văn C1, Mã Đình V, Lường Văn P, Triệu Văn Đ, Chương Thị X, Ma Thị Đ, Phạm Văn C2, Cao Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thu H về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên toà bị cáo Hoàng Thế G khai: Vào khoảng 13 giờ ngày 11-5-2022 bị cáo nảy sinh ý định tổ chức đánh bạc để thu tiền của người chơi bạc. Bị cáo đã gọi điện cho Hoàng Văn C1, Triệu Văn Đ rủ C1, Đ đánh bạc. Tiếp đó bị cáo đến nhà Lường Văn P lấy một chiếc chiếu nhựa cũ rồi mang đến ngôi nhà hoang của chị Trường không có người trông coi, chải chiếu ra giữa nhà để chuẩn bị cho mọi người ngồi đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày khi mọi người đến tham gia đánh bạc thì bị cáo thu phế, bị cáo thu của C1, P, V 1.000.000 đồng, do C1, P V cùng góp tiền nhau làm mặt hay còn gọi là cân cửa, thu của Phạm Văn C2 100.000 đồng, thu của Triệu Văn Đ 100.000 đồng, thu của Ma Thị Đ 100.000 đồng, thu của Cao Thị H 50.000 đồng và thu của Nguyễn Thị Thu H 50.000 đồng. Tổng số tiền phế bị cáo thu được là 1.400.000 đồng. Sau đó tất cả mọi người cùng tham gia đánh bạc do Hoàng Văn C1 là người xóc đĩa, bị cáo đã sử dụng 4.100.000 đồng để đánh bạc, trong số tiền này có 1.400.000 đồng là tiền bị cáo thu phế, 2.700.000 đồng là bị cáo mang từ nhà đi. Sau khi đánh bạc bị cáo bị thua mất 3.000.000 đồng, số tiền còn lại là 1.100.000 đồng bị cáo đã nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Các bị cáo Hoàng Văn C1, Mã Đình V, Lường Văn P, Triệu Văn Đ, Chương Thị X, Ma Thị Đ, Phạm Văn C2, Cao Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thu H khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc vào ngày 11-5-2022 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên đã truy tố, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thế G phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc; tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn C1, Mã Đình V, Lường Văn P, Triệu Văn Đ, Chương Thị X, Ma Thị Đ, Phạm Văn C2, Cao Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thu H phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hoàng Thế G 01 năm đến 01 năm 06 tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thế G

từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Đánh bạc". Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự đề nghị tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội đối với Hoàng Thế G là từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mã Đình V từ 10 tháng đến 14 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 05-5-2022 của Toà án nhân dân huyện Lục Yên bị cáo V chưa chấp hành, cụ thể: Tính đến thời điểm xét xử, ngày 14-12-2022, bị cáo V đã chấp hành được 06 tháng cải tạo không giam giữ, còn 09 tháng cải tạo không giam giữ bị cáo chưa chấp hành tương ứng với 03 tháng tù giam.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt Hoàng Văn C1 từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập của bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toàn án nhân dân tối cao, xử phạt Lường Văn P từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, xử phạt Triệu Văn Đ từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo Cao Thị H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.7. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn C2 từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập của bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.8. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Chương Thị X từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập của bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.9. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ma Thị Đ từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập của bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.10. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập của bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.11. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập của bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 15.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Hoàng Văn C1, 15.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Mã Đình V, 10.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Lường Văn P, 1.100.000 thu giữ của bị cáo Hoàng Thế G, 3.300.000 đồng thu giữ của bị cáo Triệu Văn Đ, 350.000 đồng thu giữ của bị cáo Chương Thị X.

3.2. Tịch thu và tiêu huỷ: 01 bát con làm bằng sứ trắng đã qua sử dụng không có hoa văn; 01 địa sứ trắng cũ đã qua sử dụng; 01 con dao cũ chuôi gỗ dài 10 cm, lưỡi dao dài khoảng 25cm, bản rộng lưỡi dao khoảng 5cm; 01 chiếu nhựa cũ hình chữ nhật kích thước khoảng 150 cm x 200 cm màu xanh có hoạ tiết màu da cam. Đây là những công cụ, phương tiện các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, xét thấy không có giá trị cần tịch thu và tiêu huỷ.

3.3. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo và theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến tranh luận của bị cáo Hoàng Thế G: Bị cáo cho rằng giữa bị cáo và các bị cáo khác không có sự bàn bạc, thống nhất, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Tổ chức đánh bạc là nặng, bị cáo cho rằng mình chỉ phạm tội Đánh bạc.

- Các bị cáo Hoàng Văn C1, Mã Đình V, Lường Văn P, Triệu Văn Đ, Chương Thị X, Ma Thị Đ, Phạm Văn C2, Cao Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thu H không có ý kiến tranh luận gì, nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên.

- Ý kiến tranh luận của Kiểm sát viên: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo G và các bị cáo đều thừa nhận G là người này sinh ý định tổ chức cho mọi người đánh bạc, là người trực tiếp gọi điện thoại rủ C1, Đ đi đánh bạc; là người chuẩn bị chiếu nhựa cho mọi người ngồi đánh bạc ; là người "thu phế", hưởng lợi từ việc tổ chức đánh bạc; G đã tổ chức cho 10 người đánh bạc với số tiền các đối tượng đã sử dụng vào việc đánh bạc là 44.750.000 đồng. Hành vi của G đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 BLHS. Do đó việc Viện kiểm sát truy tố với G về tội tổ chức đánh bạc là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

- Bị cáo Hoàng Thế G và các bị cáo khác không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

[2.1] Đối với bị cáo phạm tội tổ chức đánh bạc:

Xuất phát từ mục đích vụ lợi để thoả mãn nhu cầu cá nhân, ngày 11-5-2022 bị cáo Hoàng Thế G đã có hành vi: Lựa chọn địa điểm đánh bạc là ngôi nhà của Hoàng Thị T thuộc thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái; gọi điện rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác tham gia đánh bạc; chuẩn bị công cụ, phương tiện là chiếc chiếu để phục vụ cho việc đánh bạc; thu tiền phế của người tham gia đánh bạc và tổ chức cho 10 người đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thu bằng tiền.

Các bị cáo khai mang tiền đi theo và sử dụng vào mục đích đánh bạc là 33.870.000 đồng, nhưng có người được, có người thua, số tiền luân chuyển từ bị cáo này sang bị cáo khác; số tiền các bị cáo Hoàng Thế G, Hoàng Văn C1, Lường Văn P, Mã Đình V, Triệu Văn Đ, Chương Thị X khai đã sử vào việc đánh bạc và thắng bạc đã giao nộp cho cơ quan điều tra 44.750.000 đồng. Quá trình điều tra cơ quan điều tra không chứng minh được sự chênh lệch giữa số tiền các bị cáo khai mang đi sử dụng vào việc đánh bạc và số tiền các bị cáo thắng bạc nộp lại cho cơ quan điều tra. Do đó, theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, cần căn cứ vào số tiền 33.870.000 đồng để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Hành vi tổ chức cho 10 người đánh bạc với tổng số tiền dùng vào đánh bạc trong một lần là 33.870.000 đồng của bị cáo Hoàng Thế G đã phạm vào tội "Tổ chức đánh bạc" quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 26/CT-VKS-LY ngày 03-11-2022 của VKSND huyện Lục Yên truy tố bị cáo Hoàng Thế G về tội "Tổ chức đánh bạc" với các tình tiết định khung quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2.2] Đối với các bị cáo phạm tội đánh bạc:

Ngày 11-5-2022 tại nhà Hoàng Thị T thuộc thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái, các bị cáo Hoàng Thế G, Hoàng Văn C1, Mã Đình V, Lường Văn P, Triệu Văn Đ, Phạm Văn C2, Ma Thị Đ, Cao Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thu H, Chương Thị X đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền với tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc 33.870.000 đồng.

Hành vi phạm đánh bạc của các bị cáo đã đủ yếu tố cầu thành tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên truy tố các bị cáo về tội đánh bạc quy định tại khoản

1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét hành hành vi tổ chức đánh bạc của bị cáo Hoàng Thế G và đánh bạc của các bị cáo Hoàng Thế G, Hoàng Văn C1, Mã Đình V, Lường Văn P, Triệu Văn Đ, Phạm Văn C2, Ma Thị Đ, Cao Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thu H, Chương Thị X là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, loại tệ nạn này đang có chiều hướng phát triển gia tăng, gây mất trật tự trị an và đang bị toàn xã hội tích cực đấu tranh bài trừ. Đây cũng là nguyên nhân có thể làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó cần phải đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về đồng phạm: Đối với các bị cáo phạm tội đánh bạc, đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo người đến trước, người đến sau, cùng tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa nên đều là người thực hành, tiếp nhận ý chí của nhau qua bị cáo Hoàng Thế G tổ chức cho các bị cáo đánh bạc. Khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào số tiền cụ thể của từng bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, không phân định vai trò của từng bị cáo trong vụ đồng phạm đánh bạc, để đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Đây là một trong những căn cứ quyết định hình phạt cho tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, trong đó bị cáo đánh bạc nhiều nhất là 10.000.000 đồng, ít nhất là 100.000 đồng, cụ thể như sau: Bị cáo Mã Đình V, Hoàng Văn C1 mỗi bị cáo sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Lường Văn P sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Hoàng Thế G sử dụng 4.100.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Phạm Văn C2 sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Triệu Văn Đ sử dụng 1.300.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Ma Thị Đ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Nguyễn Thị Thu H sử dụng 320.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Cao Thị H sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Nguyễn Thị M sử dụng 250.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Chương Thị X sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc.

[5] Xét về nhân thân:

- Bị cáo Mã Đình V có tiền án về tội "Đánh bạc" nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân mà tiếp tục có hành vi phạm tội.

- Đối với các bị cáo: Hoàng Văn C1 về nhân thân đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo Lường Văn P về nhân thân đã bị kết án 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc; bị cáo Triệu Văn Đ về nhân thân đã bị xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khoẻ của người khác, bị kết án 01 năm cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc; bị cáo Phạm Văn C2 về nhân thân đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo Cao Thị H về nhân thân đã bị xử phạt 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý".

- Các bị cáo Hoàng Thế G, Ma Thị Đ, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thu H, Chương Thị X, trước khi phạm tội các bị cáo được xác định là người không có tiền án, tiền sự nên xác định các bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên mười một bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Hành vi đánh bạc của các bị cáo Hoàng Văn C1, Phạm Văn C2, Ma Thị Đ, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị M, Chương Thị X là phạm tội lần đầu và trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Sau khi bị phát hiện bị cáo Triệu Văn Đ đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án đồng thời cung cấp thông tin có giá trị phục vụ cho việc phát hiện và bắt giữ đối tượng truy nã Hoàng Văn N. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo Cao Thị H, Triệu Văn Đ, Lường Văn P đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Chương Thị X có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Mã Đình V có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng ba. Sáu bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Văn C2 đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự vì quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú. Xét thấy theo các tài liệu có trong hồ vụ án thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bị cáo ra đầu thú, nên không căn cứ đề chấp nhận yêu cầu này của bị cáo.

[6.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Mã Đình V có 01 tiền án về tội "Đánh bạc" chưa được xoá án tích, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt: Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với bị cáo Hoàng Thế G là người có nhân thân tốt, tuy nhiên bị cáo phạm nhiều tội do đó cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như Viện kiểm sát đề nghị mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo Mã Đình V trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo không chịu tu dưỡng mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém, coi thường pháp luật. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo phạm tội và bị xét xử khi đang phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 05-5-2022

của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Do đó, cần tổng hợp hình phạt của Bản án này với phần hình phạt chưa chấp hành của Bản án trước theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Cụ thể, Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 05-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đã xử phạt bị cáo Mã Đình V 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo đã chấp hành được 06 tháng cải tạo không giam giữ (từ ngày 14-6-2022 đến ngày 14-12-2022), phần hình phạt còn phải chấp hành là 09 tháng. Theo quy định 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù. Như vậy phần hình phạt chưa chấp hành của Bản án trên là 03 tháng tù.

- Bị cáo Lường Văn P, Triệu Văn Đ, Cao Thị H được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy để phục vụ yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên mới đủ tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo; việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Đối với các bị cáo Hoàng Văn C1, Phạm Văn C2, Ma Thị Đ, Nguyễn Thị Thu H, Cao Thị H, Chương Thị X đều không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự tạo điều kiện cho các bị cáo rèn luyện, giáo dục tại cộng đồng, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy cần phạt các bị cáo, mỗi bị cáo một khoản tiền nộp vào ngân sách nhà nước.

[9] Về những hành vi và người khác có liên quan:

- Đối với Hoàng Văn C1 là người chuẩn bị quân vị, bát, đĩa sứ để đánh bạc và là người xóc cái cho các bị cáo khác đánh bạc; tuy nhiên giữa C1 và G không có sự thống nhất, bàn bạc về việc tổ chức cho người khác đánh bạc, C1 cũng không được hưởng lợi gì từ việc Hoàng Thế G tổ chức đánh bạc, bản thân C1 cùng phải nộp tiền phế cho G. Do đó, không có đủ căn cứ để xác định Hoàng Văn C1 và Hoàng Thế G là đồng phạm về tổ chức đánh bạc.

- Đối với Tạ Xuân K, Nông Văn H là người có mặt tại địa điểm các bị cáo đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc, nên không có căn cứ để xem xét, xử lý đối Tạ Xuân K, Nông Văn H.

- Đối với ngôi nhà nơi các bị cáo đánh bạc ngày 11-5-2022. Quá trình điều tra xác định thời điểm các bị cáo sử dụng nhà chị T vào việc phạm tội, ngôi nhà

này không có người trông coi, quản lý, bản thân chị T không có mặt tại địa phương. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với Hoàng Thị T trong vụ án này.

[10] Về vật chứng của vụ án và số tiền thu lợi bất chính:

- Đối với số tiền 44.750.000 đồng do các bị cáo Hoàng Văn C1, Mã Đình V, Lường Văn P, Hoàng Thế G, Triệu Văn Đ, Chương Thị X giao nộp. Đây là số tiền do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với: 01 bát con làm bằng sứ trắng đã qua sử dụng không có hoa văn; 01 địa sứ trắng cũ đã qua sử dụng; 01 con dao cũ chuôi gỗ dài 10 cm, lưỡi dao dài khoảng 25cm, bản rộng lưỡi dao khoảng 5cm; 01 chiếu nhựa cũ hình chữ nhật kích thước khoảng 150 cm x 200 cm màu xanh có hoạ tiết màu da cam. Đây là những công cụ, phương tiện các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, xét thấy không có giá trị cần tịch thu và tiêu huỷ.

- Đối với những chiếc điện thoại các bị cáo Hoàng Thế G, Hoàng Văn C1, Triệu Văn Đ, Phạm Văn C2, Nguyễn Thị M, Cao Thị H sử dụng sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra cơ quan điều tra không thu hồi được những chiếc điện thoại nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án.

- Đối với chiếc xe mô tô các bị cáo Nguyễn Thị M, Cao Thị H, Nguyễn Thị Thu H sử dụng làm phương tiện để đi đến chỗ đánh bạc, tuy nhiên chiếc xe mô tô này không phải là công cụ, phương tiền sử dụng vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xem xét, xử lý trong vụ án.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Các bị cáo, bị kết án, phải chịu hình phạt và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thế G phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc".

1.2. Tuyên bố các bị cáo: Mã Đình V, Hoàng Văn C1, Lường Văn P, Triệu Văn Đ, Phạm Văn C2, Ma Thị Đ, Nguyễn Thị Thu H, Cao Thị H, Nguyễn Thị M, Chương Thị X phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Thế G 01 *(một)* năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51;

Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thế G từ 06 *(sáu)* tháng tù về tội "Đánh bạc".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt bị cáo Hoàng Thế G phải chịu là từ 01 *(một)* năm 06 *(sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Phạt bị cáo Hoàng Thế G 10.000.000 *(mười triệu)* đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mã Đình V 10 *(mười)* tháng tù về tội "Đánh bạc". Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 05-5-2022 của Toà án nhân dân huyện Lục Yên là 03 tháng tù, buộc bị cáo Mã Đình V phải chấp hành hình phạt là 13 *(mười ba)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Mã Đình V 10.000.000 *(mười triệu)* đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt Lường Văn P 09 *(chín)* tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 *(mười tám)* tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 14-12-2022).

Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã V, huyện L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt bị cáo Lường Văn P 10.000.000 *(mười triệu)* đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.4. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt Triệu Văn Đ 07 *(bảy)* tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 14 *(mươi bốn)* tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 14-12-2022).

Giao bị cáo cho UBND thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Y, huyện L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt bị cáo Triệu Văn Đ 10.000.000 *(mười triệu)* đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.5. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cao Thị H 06 *(sáu)* tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 *(mươi hai)* tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 14-12-2022).

Giao bị cáo cho UBND thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Y, huyện L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt bị cáo Cao Thị H 10.000.000 *(mười triệu)* đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.6. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bi cáo Hoàng Văn C1 02 *(hai)* năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã V, huyện L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

Phạt bị cáo Hoàng Văn C1 10.000.000 *(mười triệu)* đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.7. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C2 01 *(một)* năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn Yên T, huyện L, tỉnh Yên Bái để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Y, huyện L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

Phạt bị cáo Phạm Văn C2 10.000.000 *(mười triệu)* đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.8. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ma Thị Đ 09 *(chín)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã M, huyện L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo nộp vào

ngân sách nhà nước.

Phạt bị cáo Ma Thị Đ 10.000.000 *(mười triệu)* đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.9. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 08 *(tám)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Y, huyện L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

Phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 10.000.000 *(mười triệu)* đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.10. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 08 *(tám)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Y, huyện L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

Phạt bị cáo Nguyễn Thị M 10.000.000 *(mười triệu)* đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2.11. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Chương Thị X 08 *(tám)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã V, huyện L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

Phạt bị cáo Chương Thị X 10.000.000 *(mười triệu)* đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án và số tiền thu lợi bất chính: Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 15.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Hoàng Văn C1, 15.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Mã Đình V, 10.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Lường Văn P, 1.100.000 thu giữ của bị cáo Hoàng Thế G, 3.300.000 đồng thu giữ của bị cáo Triệu Văn Đ, 350.000 đồng thu giữ của bị cáo Chương Thị X.

- Tịch thu và tiêu huỷ: 01 bát con làm bằng sứ trắng đã qua sử dụng không có hoa văn; 01 đĩa sứ trắng cũ đã qua sử dụng; 01 con dao cũ chuôi gỗ dài 10 cm, lưỡi dao dài khoảng 25cm, bản rộng lưỡi dao khoảng 5cm; 01 chiếu nhựa cũ hình chữ nhật kích thước khoảng 150 cm x 200 cm màu xanh có hoạ tiết màu da cam.

(Phong bì niêm phong tiền và các vật chứng trên có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 17-11-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc các bị cáo Hoàng Thế G, Mã Đình V, Hoàng Văn C1, Lường Văn P, Triệu Văn Đ, Phạm Văn C2, Cao Thị H, Ma Thị Đ, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị M, Chương Thị X mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- Công an huyện Lục Yên;
- Chi cục THADS huyện Lục Yên;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Lưu HS, TA, THA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Lên